GIÁO DỤC KỸ NĂNG PHÒNG TRÁNH TAI NẠN THƯƠNG TÍCH CHO TRẺ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỈ KÈM TĂNG ĐỘNG GIẢM CHÚ Ý 5-6 TUỔI TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT: THỰC TRẠNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Vũ Thị Hà Ly

Viện phát triển công nghệ Giáo dục đặc biệt

Tóm tắt: *Tai nạn thương tích là một trong những nguy cơ phổ biến ở trẻ mầm non, đặc biệt đối với nhóm trẻ rối loạn phổ tự kỷ kèm tăng động giảm chú ý, do các em gặp nhiều khó khăn về nhận thức, ngôn ngữ, kỹ năng xã hội và khả năng kiểm soát hành vi. Nghiên cứu này nhằm khảo sát thực trạng giáo dục kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ kèm tăng động giảm chú ý 5–6 tuổi tại ba cơ sở giáo dục chuyên biệt ở thành phố Hà Nội. Kết quả cho thấy, giáo viên và cha mẹ đã bước đầu triển khai giáo dục với một số mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp và hoạt động đánh giá. Tuy nhiên, chương trình giáo dục chưa toàn diện, chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao; trẻ vẫn thiếu hụt đáng kể các kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích cần thiết. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết rút ra một số bài học kinh nghiệm cho các cơ sở giáo dục chuyên biệt, giáo viên và cha mẹ nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, góp phần bảo đảm an toàn và cải thiện chất lượng cuộc sống cho trẻ.*

Từ khóa: *Giáo dục chuyên biệt, kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích, rối loạn phổ tự kỉ, rối loạn phổ tự kỉ kèm tăng động giảm chú ý, rối loạn tăng động giảm chú ý.*

Nhận bài ngày 15.07.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 28.8.2025
Liên hệ tác giả: Vũ Thị Hà Ly; email: lyvuthiha@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tai nạn thương tích (TNTT) là một trong những nguyên nhân hàng đầu đe dọa đến sức khỏe, sự an toàn và sự phát triển toàn diện của trẻ em, do đó việc phòng tránh TNTT trở thành một nhiệm vụ mang tính cấp thiết và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Vấn đề này đã được khẳng định trong nhiều nỗ lực quốc tế, điển hình như Công ước về Quyền trẻ em, trong đó nhấn mạnh rằng "trẻ em có quyền được hưởng mức độ cao nhất về y tế và môi trường an toàn, không TNTT và bạo lực" [1].

Ở nước ngoài, nhiều nghiên cứu đã tập trung vào giáo dục kỹ năng (GDKN) an toàn cho trẻ ở một số nhóm trẻ khuyết tật. Tiêu biểu như: Nghiên cứu ứng dụng mô hình hóa bằng video trong dạy học kỹ năng an toàn cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ và trẻ khuyết tật phát triển khác (Sokolosky, 2011) [2]; áp dụng phương pháp giáo dục hành vi (ABA) nhằm rèn luyện kỹ năng an toàn cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ (Rossi et al., 2017) [3]; hay triển khai chương trình đào tạo kỹ năng đi bộ an toàn bằng thực tế ảo nhập vai (Dixon et al., 2019) [4]. Những kết quả này cho thấy, GDKN an toàn có thể giảm đáng kể nguy cơ TNTT, đồng thời nâng cao khả năng tự lập của trẻ.

Tại Việt Nam, một số công trình gần đây mới bước đầu đề cập đến đối tượng rối loạn phổ tự kỷ, chẳng hạn trong bài báo khoa học của Võ Nhã Hòa và Đỗ Thị Thảo (2023) đã chỉ ra những hạn chế về nhận thức, khả năng kiểm soát hành vi và cảm xúc, làm gia tăng nguy cơ gặp TNTT ở trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất các biện pháp GDKN phòng tránh TNTT dành riêng cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ [5].

Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có công trình nào tập trung cụ thể vào trẻ rối loạn phổ tự kỷ kèm tăng động giảm chú ý (ADHD) 5–6 tuổi trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Đây là nhóm trẻ đồng thời có hai dạng khó khăn phát triển, nên nguy cơ gặp TNTT cao hơn nhiều so với trẻ rối loạn phổ tự kỷ đơn thuần hoặc trẻ ADHD riêng lẻ. Các nghiên cứu quốc tế gần đây cũng khẳng định, trẻ rối loạn phổ tự kỷ kèm tăng động giảm chú ý có mức độ nhận thức an toàn và kỹ năng ứng phó kém hơn đáng kể so với nhóm trẻ phát triển bình thường (Pardej & Mayes, 2024) [6]. Điều này cho thấy, việc GDKN phòng tránh TNTT cho nhóm trẻ này không chỉ cần thiết, mà còn cấp bách, có ý nghĩa trong việc bảo đảm an toàn và nâng cao chất lượng cuộc sống của trẻ.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổ chức khảo sát

Mục đích khảo sát: Khảo sát nhằm đánh giá thực trạng GDKN phòng tránh TNTT cho trẻ RLPTK kèm tăng động giảm chú ý 5–6 tuổi tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt; từ đó, kết hợp với cơ sở lý luận để có cái nhìn toàn diện, làm cơ sở rút ra bài học kinh nghiệm và định hướng giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục.

Nội dung khảo sát: Thực trạng GDKN phòng tránh TNTT ở trẻ rối loạn phổ tự kỷ kèm tăng động giảm chú ý 5–6 tuổi, tập trung vào 05 khía cạnh: (1) mục tiêu giáo dục, (2) nội dung, (3) hình thức, (4) phương pháp, (5) cách thức đánh giá.

Phương pháp khảo sát: Kết hợp nhiều phương pháp: sử dụng phiếu hỏi, quan sát hoạt động dạy học, phỏng vấn sâu, đồng thời tổng hợp và xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

Địa bàn và khách thể khảo sát: Khảo sát được tiến hành tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt ở thành phố Hà Nội với sự tham gia của 60 giáo viên và 32 cha mẹ.

Thời gian khảo sát: Từ tháng 01/2025 đến tháng 02/2025.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng GDKN phòng tránh TNTT cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ kèm tăng động giảm chú ý 5-6 tuổi trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt

Bảng 1: Thực trạng giáo viên và cha mẹ thực hiện mục tiêu GDKN phòng tránh TNTT cho trẻ rối loạn phổ tự kỷ kèm tăng động giảm chú ý 5-6 tuổi (1 ≤ M ≤ 3)

TT	Mục tiêu giáo dục	GV (N=60)			CM (N=32)			Chung (N=92)		
		M	SD	TB	M	SD	TB	M	SD	TB
1	Trang bị cho trẻ khả năng nhận diện nguy cơ giúp trẻ hiểu và	1,88	0,490	1	1,59	0,560	1	1,74	0,525	1

	xác định chính xác các tình huống tiềm ẩn nguy cơ TNTT trong đời sống hằng ngày									
2	Cung cấp kiến thức và hướng dẫn kỹ năng phòng tránh: giúp trẻ nắm được những cách thức ứng phó an toàn, phù hợp với từng loại tình huống nguy cơ	1,65	0,481	3	1,47	0,567	2	1,56	0,524	3
3	Phát triển năng lực thực hành ứng phó: hình thành cho trẻ khả năng vận dụng kiến thức, lựa chọn giải pháp đúng đắn và thực hiện hiệu quả các hành vi phòng tránh trong tình huống thực tế	1,25	0,437	4	1,06	0,246	4	1,16	0,342	4
4	Xây dựng thái độ tích cực và ý thức an toàn: khuyến khích trẻ tự tin, chủ động và hứng thú trong việc thực hiện hành vi phòng tránh, đồng thời hình thành trách nhiệm bảo đảm an toàn cho bản thân và người xung quanh	1,83	0,587	2	1,31	0,535	3	1,57	0,561	2
Chung		**1,65**	**0,499**		**1,36**	**0,477**		**1,51**	**0,488**	

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, mức độ thực hiện các mục tiêu giáo dục nhìn chung còn ở mức thấp (M = 1,51; SD = 0,488). Điều này phản ánh tính chưa đồng bộ và còn hạn chế trong cả hoạt động giáo dục tại trường và sự phối hợp tại gia đình. Cụ thể:

Mục tiêu 1 đạt mức cao nhất (M = 1,74). Điều này cho thấy, giáo viên và cha mẹ tương đối chú trọng việc giúp trẻ xác định những tình huống nguy hiểm trong đời sống hằng ngày.